

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Đổi tên chi cục, một số phòng của chi cục thuộc Sở; quy định cơ cấu tổ chức của Sở; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 89/TTr-SNN ngày 14/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đổi tên chi cục, một số phòng của chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Đổi tên Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thành Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

a) Về nhân sự, trụ sở, tài chính, tài sản và hồ sơ, tài liệu của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản được chuyển giao nguyên trạng cho Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

b) Về con dấu: Thực hiện thủ tục đổi con dấu mới theo quy định; giao nộp con dấu cũ cho cơ quan công an có thẩm quyền quản lý trước ngày 10/8/2023.

2. Đổi tên một số phòng của chi cục như sau:

a) Đổi tên Phòng Thanh tra - Pháp chế của Chi cục Kiểm lâm thành Phòng Điều tra và Xử lý vi phạm về lâm nghiệp.

b) Đổi tên Phòng Thanh tra và Hành chính - Tổng hợp của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thành Phòng Hành chính - Tổng hợp.

c) Đổi tên Phòng Thanh tra và Hành chính - Tổng hợp của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thành Phòng Hành chính - Tổng hợp.

d) Đổi tên Phòng Thanh tra và Hành chính - Tổng hợp của Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường thành Phòng Hành chính - Tổng hợp.

đ) Đổi tên Phòng Quản lý chất lượng, Chế biến và Thương mại nông sản của Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường thành Phòng Nghiệp vụ.

Điều 2. Quy định cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc Sở và không quá 03 Phó Giám đốc Sở.

2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Sở:

a) Văn phòng, cơ cấu tổ chức gồm: Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ, phục vụ và nhân viên (nếu có).

b) Thanh tra, cơ cấu tổ chức gồm: Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và thanh tra viên hoặc công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Phòng Tổ chức cán bộ, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Phòng Kế hoạch - Tài chính, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Các chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chi cục Kiểm lâm

- Lãnh đạo Chi cục, gồm: Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, gồm có 05 phòng:

+ Phòng Hành chính - Tổng hợp, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ, phục vụ và nhân viên (nếu có).

+ Các phòng: (1) Điều tra và Xử lý vi phạm về lâm nghiệp; (2) Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên; (3) Sử dụng và Phát triển rừng; (4) Tổ chức,

tuyên truyền và Xây dựng lực lượng: Mỗi phòng có cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đội Kiểm lâm Cơ động và Phòng cháy, chữa cháy rừng, cơ cấu tổ chức gồm: Đội trưởng, Phó Đội trưởng và các bộ phận giúp việc (*Xử lý vi phạm; kế toán, tổng hợp; kiểm lâm viên; nhân viên*).

- Các Hạt Kiểm lâm, gồm:

- + Hạt Kiểm lâm huyện Na Hang;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Lâm Bình;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Chiêm Hoá;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Hàm Yên;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Yên Sơn;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Sơn Dương;
- + Hạt Kiểm lâm thành phố Tuyên Quang;
- + Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Cham Chu.

Mỗi Hạt Kiểm lâm có cơ cấu tổ chức gồm: Hạt trưởng, Phó Hạt trưởng và các bộ phận giúp việc: Quản lý Bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Pháp chế, Hành chính - Tổng hợp, Tổ kiểm lâm Cơ động và Phòng cháy, chữa cháy rừng, Trạm Kiểm lâm (nếu có).

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục, gồm:

- + Ban Quản lý rừng đặc dụng Na Hang;
- + Ban Quản lý rừng đặc dụng Cham Chu;
- + Ban Quản lý rừng đặc dụng Tân Trào.

b) Chi cục Thủy lợi:

- Lãnh đạo, gồm: Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, gồm có 02 phòng:

+ Phòng Quản lý khai thác công trình và Hành chính - Tổng hợp, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ, phục vụ, nhân viên (nếu có).

+ Phòng Quản lý xây dựng công trình và Phòng chống thiên tai, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng; Phó Trưởng phòng; công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Chi cục Phát triển nông thôn:

- Lãnh đạo, gồm: Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, gồm có 02 phòng:

+ Phòng Kinh tế hợp tác và Hành chính - Tổng hợp, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ, phục vụ, nhân viên (nếu có).

+ Phòng Phát triển nông thôn, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:

- Lãnh đạo, gồm: Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, gồm có 02 phòng:

+ Phòng Hành chính - Tổng hợp, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ, phục vụ, nhân viên (nếu có).

+ Phòng Kỹ thuật, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng; Phó Trưởng phòng; công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

đ) Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản:

- Lãnh đạo, gồm: Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, gồm có 03 phòng:

+ Phòng Hành chính - Tổng hợp, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ, phục vụ, nhân viên (nếu có).

+ Các phòng: (1) Chăn nuôi và Thủy sản; (2) Thú y, cơ cấu tổ chức của mỗi phòng gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

e) Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường:

- Lãnh đạo, gồm: Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, gồm có 02 phòng:

+ Phòng Hành chính - Tổng hợp, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ, phục vụ, nhân viên (nếu có).

+ Phòng Nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, gồm:

a) Trung tâm Khuyến nông.

b) Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

c) Ban Quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình.

d) Ban Quản lý rừng phòng hộ Na Hang.

đ) Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi.

e) Trung tâm Điều tra, quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp.

g) Trung tâm Thủy sản.

5. Số lượng cấp phó của phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Sở, Phó Chi cục trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

Điều 3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Chi cục Kiểm lâm

1.1. Vị trí, chức năng

Chi cục Kiểm lâm là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về lâm nghiệp, kiểm lâm theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp. Chi cục Kiểm lâm chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chi cục Kiểm lâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng.

1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1.2.1. Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện, phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm theo phân công của Giám đốc Sở và theo quy định của pháp luật.

Tham mưu, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo thẩm quyền các văn bản cá biệt thuộc chuyên ngành, lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Kiểm lâm.

1.2.2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về lĩnh vực lâm nghiệp.

1.2.3. Tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ về lâm nghiệp

a) Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền về: chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương; chủ trương chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; phân loại rừng, phân định ranh giới các loại rừng; quyết định giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng; quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng, thuê đất để trồng rừng sản xuất; phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; quyết định khung giá rừng tại địa phương; quyết định thành lập khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ tại địa phương; quyết định đóng, mở cửa rừng tự nhiên tại địa phương theo quy định; báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang; phương án huy động các lực lượng, vật tư, phương tiện, thiết bị của tổ

chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh để ứng phó khẩn cấp chữa cháy rừng theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về lâm nghiệp; tổ chức thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; cập nhật cơ sở dữ liệu, hồ sơ quản lý rừng ở địa phương; bảo vệ rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các loại rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; phát triển rừng; sử dụng rừng; khai thác lâm sản; tổ chức sản xuất lâm nghiệp gắn với chế biến và thương mại lâm sản tại địa phương.

c) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, chiến lược phát triển lâm nghiệp, quy hoạch lâm nghiệp; chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về lâm nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của kiểm lâm tại địa phương theo quy định của pháp luật.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra về sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản kết hợp trong rừng theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh.

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lâm nghiệp; công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, vườn giống và rừng giống trên địa bàn tỉnh; xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; tổng hợp, cập nhật, công bố công khai danh mục nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận hoặc hủy bỏ công nhận; trồng rừng; nuôi dưỡng rừng; làm giàu rừng; cải tạo rừng tự nhiên và khoanh nuôi tái sinh rừng; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng, chống dịch bệnh gây hại rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng.

g) Tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, phòng hộ thuộc địa phương quản lý, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh theo quy định của pháp luật.

h) Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phát triển cây lâm nghiệp phân tán theo quy định.

i) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ rừng trong quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương, phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, quản lý lâm sản, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các loại rừng.

1.2.4. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các hoạt động khuyến lâm trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

1.2.5. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất lâm nghiệp tại địa phương; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

1.2.6. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề về lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định của pháp luật và phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

1.2.7. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về lâm nghiệp; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất lâm nghiệp, diễn biến rừng và các hoạt động thông tin, lưu trữ, thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý về lâm nghiệp theo quy định.

1.2.8. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành trong lâm nghiệp theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

1.2.9. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực lâm nghiệp theo phân công hoặc ủy quyền của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

1.2.10. Tham mưu, hướng dẫn quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tham mưu, thực hiện và chịu trách nhiệm về các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Chi cục được giao quản lý.

1.2.11. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

1.2.12. Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lâm nghiệp đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; chức danh chuyên môn về lâm nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác, chế độ thông tin báo cáo của tổ chức lâm nghiệp tỉnh đặt trên địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; kiểm lâm viên, các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật lĩnh vực lâm nghiệp công tác trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.2.13. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

1.2.14. Thực hiện công tác kiểm tra, tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật hoặc phân cấp, ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

1.2.15. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định.

1.2.16. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác bảo vệ và phát triển rừng; quản lý buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm; phòng, chống dịch bệnh trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo phân công của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

1.2.17. Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính thuộc lĩnh vực lâm nghiệp theo chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

1.2.18. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm và số lượng người làm việc; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.2.19. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền.

1.2.20. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

1.2.21. Thực hiện nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

2. Chi cục Thủy lợi

2.1. Vị trí, chức năng

Chi cục Thủy lợi là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập và hồ chứa nước thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Chi cục Thủy lợi chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Thủy lợi, Cục Quản lý Đê điều và Phòng chống, thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chi cục Thủy lợi có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng.

2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

2.2.1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế

hoạch, chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực thủy lợi, nước sạch nông thôn, đê điều, phòng, chống thiên tai.

Tham mưu, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo thẩm quyền các văn bản cá biệt thuộc chuyên ngành, lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý của Chi cục.

2.2.2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực tham mưu được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập và hồ chứa nước, đê điều, phòng, chống thiên tai.

2.2.3. Tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ về thủy lợi và nước sạch nông thôn

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản thủy lợi, quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; quyết định giao tổ chức quản lý hoặc phân cấp quản lý công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; phê duyệt hoặc phân cấp phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước, công trình thủy lợi khác thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh; phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện bảo vệ công trình thủy lợi khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; quy mô thủy lợi nội đồng; kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn do địa phương quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các mức giá và phê duyệt giá cụ thể của sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì xây dựng phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi, các nội dung liên quan đến thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch thủy lợi và quy hoạch ngành quốc gia theo quy định của pháp luật.

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn; tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn, thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn; phối hợp quản lý việc xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

g) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

h) Tổ chức theo dõi, giám sát, quan trắc diễn biến bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi; hướng dẫn, quản lý việc tổ chức thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý vận hành, điều tiết nguồn nước của các hệ thống công trình thủy lợi; tổ chức thu thập, tổng hợp quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, ngập lụt, úng, số lượng, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

i) Chủ trì xây dựng, tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện về phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2.2.4. Tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ về đê điều và phòng chống thiên tai:

a) Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch phòng, chống thiên tai, kế hoạch đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai của địa phương theo phân công; tiêu chuẩn, định mức vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai; quyết định về tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát chuyên dùng phòng, chống thiên tai; quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định về lực lượng chuyên trách quản lý đê điều, lực lượng quản lý đê nhân dân; chế độ, chính sách đối với lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng tuần tra, canh gác đê; cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều; sử dụng bãi sông, bãi nổi liên quan đến thoát lũ và đê điều; chấp thuận việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều và phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch tỉnh, đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa, duy tu, bảo dưỡng đê điều, quản lý và bảo đảm an toàn đê điều theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc đánh giá hiện trạng đê điều, xác định trọng điểm xung yếu đê điều; kiểm tra xây dựng, triển khai phương án hộ đê, công tác hộ đê, bảo đảm an toàn đê điều; tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu về đê điều trong phạm vi của tỉnh.

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Tuyên truyền, phổ biến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn và công trình.

e) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đê điều; xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình đê điều và bãi sông theo quy định.

2.2.5. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật và phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

2.2.6. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về thủy lợi, phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh và các hoạt động thông tin, lưu trữ, thống kê khác theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.2.7. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

2.2.8. Tham mưu, thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

2.2.9. Tham mưu hướng dẫn, quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tham mưu, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Chi cục Thủy lợi được giao quản lý.

2.2.10. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

2.2.11. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; chức danh chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác, chế độ thông tin, báo cáo về thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo quy định.

2.2.12. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ về chuyên ngành quản lý. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

2.2.13. Thực hiện công tác kiểm tra, tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thủy lợi theo quy định của pháp luật hoặc phân cấp, ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

2.2.14. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo quy định.

2.2.15. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, nhiệm vụ của Cơ quan quản lý Quỹ phòng chống thiên tai của tỉnh và nhiệm vụ thường trực công tác khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

2.2.16. Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

2.2.17. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.2.18. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền.

2.2.19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

2.2.20. Thực hiện nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

3. Chi cục Phát triển nông thôn

3.1. Vị trí, chức năng

3.1.1. Chi cục Phát triển nông thôn là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế trang trại, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, cơ điện nông nghiệp, cơ giới hóa

trong nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển các ngành nghề truyền thống, bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn, hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định của pháp luật. Chi cục Phát triển nông thôn chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chi cục Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng.

3.2. Nhiệm vụ và quyền hạn

3.2.1. Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về lĩnh vực phát triển nông thôn theo sự phân công của Giám đốc Sở.

3.2.2. Tham mưu, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo thẩm quyền các văn bản cá biệt thuộc chuyên ngành, lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý của Chi cục.

3.2.3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về lĩnh vực phát triển nông thôn.

3.2.4. Tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về phát triển nông thôn:

a) Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp; tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển các ngành nghề truyền thống; phát triển ngành thủ công mỹ nghệ; đào tạo, phổ biến chính sách công trong nông nghiệp; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn theo phân công của cấp có thẩm quyền; xây dựng nông thôn mới; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

b) Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản; phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản; phát triển cơ giới hóa đồng

bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo hiểm nông nghiệp; bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn thuộc lĩnh vực được giao; theo dõi, tổng hợp báo cáo về phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện; định canh; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn gắn với tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới theo phân công của cấp có thẩm quyền.

d) Tham mưu tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xoá đói, giảm nghèo và an sinh xã hội nông thôn; chương trình hành động không còn nạn đói; bảo hiểm nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

đ) Tham mưu hướng dẫn, kiểm tra các chương trình, dự án xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân công và quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc lĩnh vực phát triển nông thôn.

3.2.5. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông thuộc lĩnh vực phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3.2.6. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

3.2.7. Tham mưu tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.2.8. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về lĩnh vực phát triển nông thôn; tổ chức công tác thông kê diễn biến các hoạt động thông tin, lưu trữ, thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý của lĩnh vực phát triển nông thôn theo quy định.

3.2.9. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình về phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

3.2.10. Thực hiện hợp tác quốc tế thuộc lĩnh vực phát triển nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3.2.11. Tham mưu, thực hiện và chịu trách nhiệm về các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Chi cục được giao quản lý.

3.2.12. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động về phát triển nông thôn đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân,

các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

3.2.13. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực phát triển nông thôn đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; chức danh chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác, chế độ thông tin, báo cáo về phát triển nông thôn theo quy định.

3.2.14. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào lĩnh vực phát triển nông thôn. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

3.2.15. Thực hiện công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật hoặc phân cấp, ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

3.2.16. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực phát triển nông thôn theo quy định.

3.2.17. Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh và nhiệm vụ thường trực công tác khác theo quy định của pháp luật.

3.2.18. Tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực phát triển nông thôn theo chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

3.2.19. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.2.20. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền.

3.2.21. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

3.2.22. Thực hiện nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

4. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

4.1. Vị trí, chức năng

4.1.1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban

nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên địa bàn tỉnh. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng.

4.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

4.2.1. Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất trồng trọt, giống cây trồng nông nghiệp, sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, quản lý phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Tham mưu, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo thẩm quyền các văn bản cá biệt thuộc chuyên ngành, lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý của Chi cục.

4.2.2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4.2.3. Tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ về trồng trọt, bảo vệ thực vật:

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với địa phương, cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn; kế hoạch phát triển trồng trọt của địa phương; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; kế hoạch phòng chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa.

b) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn; tổ chức phòng, chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất; hướng dẫn thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt trên địa bàn tỉnh và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt; phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng, bảo vệ và cải tạo nâng cao độ phì đất nông nghiệp, chống xói mòn, sa mạc hóa và sạt lở đất; thực hiện cấp, quản lý, kiểm tra, giám sát mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống cây trồng; quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp thuộc địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

g) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP).

4.2.4. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

4.2.5. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về: sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

4.2.6. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong hoạt động sản xuất trồng trọt theo quy định của pháp luật.

4.2.7. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật và phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.2.8. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về trồng trọt, bảo vệ thực vật; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông nghiệp và các hoạt động thông tin, lưu trữ, thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý của lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định.

4.2.9. Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

4.2.10. Thực hiện hợp tác quốc tế thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo phân công hoặc ủy quyền của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

4.2.11. Tham mưu, thực hiện và chịu trách nhiệm về các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Chỉ cục được giao quản lý.

4.2.12. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật.

4.2.13. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về trồng trọt, bảo vệ thực vật đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật công tác trên địa bàn cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác, chế độ thông tin, báo cáo về trồng trọt và bảo vệ thực vật theo quy định.

4.2.14. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất trồng trọt trên địa bàn tỉnh; ứng dụng, thử nghiệm, khảo nghiệm, đánh giá đối với giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trước khi đưa vào sản xuất. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật. Tiếp nhận công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật.

4.2.15. Thực hiện công tác kiểm tra, tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giống cây trồng nông nghiệp, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hoặc phân cấp, ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

4.2.16. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định.

4.2.17. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh trong trồng trọt trên địa bàn tỉnh và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.2.18. Tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật theo chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

4.2.19. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền.

4.2.20. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ,

đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.2.21. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

4.2.22. Thực hiện nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

5. Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản

5.1. Vị trí, chức năng

5.1.1. Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y và thủy sản. Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Chăn nuôi, Cục Thú y, Tổng cục Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng.

5.2. Nhiệm vụ và quyền hạn

5.2.1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn tỉnh theo phân công của Giám đốc Sở.

Tham mưu, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo thẩm quyền các văn bản cá biệt thuộc chuyên ngành, lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý của Chi cục.

5.2.2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

5.2.3. Tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ về chăn nuôi, thú y

a) Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: Chiến lược, kế hoạch phát triển chăn nuôi, quy định mật độ chăn nuôi của địa phương; quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh về khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; chính

sách hỗ trợ, sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc thú y; các quy định, chính sách, hướng dẫn về hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật; chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

b) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng và tổ chức vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, vùng chăn nuôi, sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc động vật gắn với xử lý chất thải và bảo vệ môi trường; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh động vật gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh động vật; xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật số liệu, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; cơ sở dữ liệu về giám sát dịch bệnh động vật và thông tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật tại địa phương.

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam khi được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống vật nuôi; quản lý giống vật nuôi; quản lý thức ăn chăn nuôi và các vật tư khác thuộc lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo quy định của pháp luật.

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về thuốc thú y, vật tư, hàng hóa thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

g) Thực hiện nhiệm vụ quản lý về kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; hành nghề thú y; quản lý thuốc thú y theo quy định của pháp luật.

h) Kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan, thức ăn chăn nuôi sản xuất và lưu hành trong nước trên địa bàn tỉnh; kiểm tra điều kiện, đánh giá giám sát duy trì điều kiện của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi; giám sát việc tiêu hủy đối với thức ăn chăn nuôi vi phạm chất lượng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; kiểm tra điều kiện chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ; đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo quy định của pháp luật.

5.2.4. Tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ về thủy sản

a) Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định; quyết định công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên; quyết định thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh Tuyên Quang; quy định bổ sung nghề, ngư cụ,

khu vực cấm khai thác thủy sản chưa có tên trong danh mục theo quy định của pháp luật.

b) Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động thủy sản trên địa bàn; tổ chức sản xuất khai thác thủy sản; quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề, nghề cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản; điều tra, xác định bổ sung khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản; xây dựng cơ sở dữ liệu về thủy sản trên địa bàn tỉnh và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.

c) Thực hiện quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; giám sát hoạt động khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản; phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

đ) Quản lý khai thác thủy sản nội địa trên địa bàn tỉnh theo quy định.

e) Tổ chức thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm tại chợ thủy sản đầu mối trên địa bàn tỉnh; quản lý mua, bán, sơ chế, chế biến, bảo quản, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5.2.5. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5.2.6. Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5.2.7. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong hoạt động sản xuất chăn nuôi, thủy sản theo quy định của pháp luật.

5.2.8. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định của pháp luật và phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

5.2.9. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về chăn nuôi, thú y và thủy sản; tổ chức công tác thống kê mặt nước nuôi trồng thủy sản và các hoạt động thông tin, lưu trữ, thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định.

5.2.10. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

5.2.11. Thực hiện hợp tác quốc tế thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo phân công hoặc ủy quyền của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

5.2.12. Tham mưu hướng dẫn, quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tham mưu, thực hiện và chịu trách nhiệm về các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản được giao quản lý.

5.2.13. Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định của pháp luật;

5.2.14. Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về chăn nuôi, thú y và thủy sản đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; chức danh chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác, chế độ thông tin, báo cáo về chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định.

5.2.15. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định của pháp luật.

5.2.16. Thực hiện công tác kiểm tra, tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giống vật nuôi, giống thủy sản, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y trên địa bàn tỉnh theo quy định hoặc phân cấp, ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

5.2.17. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định.

5.2.18. Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật và thủy sản trên địa bàn tỉnh và nhiệm vụ thường trực công tác khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

5.2.19. Tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản theo chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

5.2.20. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5.2.21. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền.

5.2.22. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

5.2.23. Thực hiện nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

6. Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

6.1. Vị trí, chức năng

6.1.1. Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa, an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng.

6.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

6.2.1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, phân cấp về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối tại địa phương.

Tham mưu, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo thẩm quyền các văn bản cá biệt thuộc chuyên ngành, lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý của Chi cục.

6.2.2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa, an toàn thực phẩm.

6.2.3. Tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ về chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

c) Thực hiện công tác thu thập thông tin, phân tích, dự báo tình hình thị trường, chương trình phát triển thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

6.2.4. Tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối:

a) Hướng dẫn, kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, tổ chức thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trong phạm vi được phân công trên địa bàn tỉnh.

b) Thống kê, đánh giá, phân loại về điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp theo quy định.

c) Thực hiện các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm trong phạm vi được phân công trên địa bàn tỉnh theo quy định.

d) Kiểm tra, truy xuất, thu hồi, xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành và quy định của pháp luật.

đ) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

e) Quản lý hoạt động kiểm nghiệm, tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

g) Quản lý an toàn thực phẩm đối với khu vực và trung tâm logistics nông sản, chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản trên địa bàn tỉnh.

6.2.5. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

6.2.6. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật và phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

6.2.7. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về quản lý chất lượng, chế biến sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh và các hoạt động thông tin, lưu trữ, thống kê khác theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6.2.8. Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

6.2.9. Thực hiện hợp tác quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo phân công hoặc ủy quyền của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

6.2.10. Tham mưu, thực hiện và chịu trách nhiệm về các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Chi cục được giao quản lý.

6.2.11. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

6.2.12. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; chức danh chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác, chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

6.2.13. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào chế biến sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng, chế biến sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

6.2.14. Thực hiện công tác kiểm tra, tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường theo quy định của pháp luật hoặc phân cấp, ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

6.2.15. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định.

6.2.16. Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

6.2.17. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6.2.18. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của cấp có thẩm quyền.

6.2.19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

6.2.20. Thực hiện nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Sở; phòng thuộc Chi cục thuộc Sở; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quy định hiện hành.

b) Rà soát, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung vị trí việc làm đối với công chức, viên chức; chỉ đạo rà soát, phê duyệt vị trí việc làm viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ tuyển dụng, quản lý và sử dụng công chức, viên chức theo quy định.

1.3. Thực hiện việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; bố trí, sắp xếp công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý đúng quy định hiện hành, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được phê duyệt.

2. Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2023.

2. Bãi bỏ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc và trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang; quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn đối với Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- UBND huyện, thành phố;
- Như Điều 5;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng THCB-KSTTHC, VP UBND tỉnh;
- TP, PTP NC; Kinh tế (Hòa, Toàn);
- Lưu: VT, NC (Thg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn